



HALONG CANNED FOOD JOINT STOCK CORPORATION
71 Le Lai, May Chai Ward, Ngo Quyen Dist., Hai Phong City
T (84 225) 3836 692 | F (84 225) 3836 155 | www.canfoco.com.vn

Số: **19** GGT-ĐHHL

VV: Giải thích nguyên nhân chênh lệch lợi nhuận năm 2020 so với năm 2019 trên báo cáo kiểm toán.

No.: **GGT-ĐHHL**

Regarding explaining the reason for profit difference between year 2020 vs 2019,

Hải Phòng, ngày 01 tháng 04 năm 2021
Hai Phong Apr 1st, 2021

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Respectfully: STATE SECURITIES COMMISSION
HANOI STOCK EXCHANGE

Công ty CP Đồ hộp Hạ Long xin được giải trình lý do chênh lệch lợi nhuận năm 2020 so với năm 2019 trên Báo cáo Kết quả kinh doanh của Công ty mẹ và hợp nhất như sau:

Ha Long Canned Food Joint Stock Corporation would like to explain the reason for profit difference between year 2020 vs year 2019 from the Statement on profit and loss of Company and consolidated as follows:

1. Báo cáo tài chính Công ty mẹ/ Separate Financial Statements (Parent Company).

ĐVT/ Unit: billion VND

Chỉ tiêu	Item	Năm 2020/ Year 2020	Năm 2019/ Year 2019	CHÉNH LỆCH/ DIFFERENCE	
				Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Revenue from sale of goods and rendering of services	488.138	405.096	83.043	20%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Deductions	4.101	3.875	0.226	6%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Net revenue from sale of goods and rendering of services	484.037	401.221	82.817	21%
4. Giá vốn hàng bán	Costs of goods sold, and services rendered	365.042	295.892	69.150	23%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Gross profit from sale of goods and rendering of services	118.996	105.329	13.667	13%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	Income from financial activities	0.072	0.115	(0.044)	-38%
7. Chi phí tài chính	Expenses from financial activities	4.195	2.336	1.859	80%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	- In which: Interest expenses	3.602	2.252	1.350	60%
8. Chi phí bán hàng	Selling Expenses	79.765	75.095	4.670	6%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Administration Expenses	20.158	23.512	(3.354)	-14%

Chỉ tiêu	Item	Năm 2020/ Year 2020	Năm 2019/ Year 2019	CHÉNH LỆCH/ DIFFERENCE	
				Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Operating profit	14.949	4.501	10.448	232%
11. Thu nhập khác	Other income	0.172	2.827	(2.656)	-94%
12. Chi phí khác	Other expenses	0.274	0.595	(0.322)	-54%
13. Lợi nhuận khác	Other profit	(0.102)	2.232	(2.334)	-105%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Net profit before tax	14.847	6.733	8.114	121%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	Current corporate income tax expense	3.393	1.107	2.286	207%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	Deferred corporate income tax expense				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Net profit after tax	11.453	5.626	5.828	104%

Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ năm 2020 là lãi 11,45 tỷ, tức là tăng 5,8 tỷ, tương ứng tăng 104% so với cùng kỳ năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu là trong Quý 2 năm 2020 doanh thu bán hàng tăng 20% (phát triển các kênh bán hàng mới, nhu cầu thị trường tăng mạnh do ảnh hưởng của dịch Covid-19...), trong khi chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 14% so với năm 2019 nên lợi nhuận đạt 14,84 tỷ trước thuế và 11,45 tỷ sau thuế.

The net profit after tax of parent company in year 2020 achieved 11.45 billion, increased 5.8 billion, equivalent to 104% compared with the same period in 2019. The explanation for this is the sales revenue in year 2020 increased 20% (new sales channels development, the high increase in market demand caused by Covid-19 outbreak ...), while administration expenses dropped sharply, decreased 14% compared with 2019, therefore the profit reached 14.84 billion before tax and 14.45 billion after tax.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất/Consolidated Financial Statement:

DVT/ Unit: billion VND

Chỉ tiêu	Item	Năm 2020/ Year 2020	Năm 2019/ Year 2019	CHÉNH LỆCH/ DIFFERENCE	
				Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Revenue from sale of goods and rendering of services	738.565	579.536	159.029	27%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Deductions	4.222	4.686	(0.464)	-10%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	Net revenue from sale of goods and rendering of services	734.343	574.851	159.493	28%
4. Giá vốn hàng bán	Costs of goods sold and services rendered	591.909	445.265	146.644	33%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	Gross profit from sale of goods and rendering of services	142.434	129.586	12.848	10%

0344
NG T
PHI
HỘP H
LONG C
XUYEN

Chỉ tiêu	Item	Năm 2020/ Year 2020	Năm 2019/ Year 2019	CHÊNH LỆCH/ DIFFERENCE	
				Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
6. Doanh thu hoạt động tài chính	<i>Income from financial activities</i>	2.230	1.308	0.922	71%
7. Chi phí tài chính	<i>Expenses from financial activities</i>	6.855	4.146	2.709	65%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	- In which: Interest expenses	5.147	3.429	1.718	50%
8. Chi phí bán hàng	<i>Selling Expenses</i>	87.424	81.479	5.945	7%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	<i>Administration Expenses</i>	28.211	32.811	(4.599)	-14%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 -22) – 25 – 26	<i>Operating profit</i>	22.173	12.458	9.716	78%
11. Thu nhập khác	<i>Other income</i>	1.177	3.079	(1.902)	-62%
12. Chi phí khác	<i>Other expenses</i>	0.447	0.772	(0.325)	-42%
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	<i>Other profit</i>	0.730	2.308	(1.578)	-68%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	<i>Net profit before tax</i>	22.903	14.765	8.138	55%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	<i>Current corporate income tax expense</i>	4.787	2.179	2.608	120%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	<i>Deferred corporate income tax expense</i>				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	<i>Net profit after tax</i>	18.116	12.587	5.530	44%

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2020 đạt 18,11 tỷ, tăng 5,53 tỷ, tương ứng tăng 44% so với cùng kỳ năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu là do doanh thu bán hàng tăng mạnh (cả doanh thu nội địa và doanh thu xuất khẩu) cùng với việc kiểm soát chi phí chặt chẽ nên kết quả kinh doanh năm 2020 là lãi 22,9 tỷ trước thuế và 18,11 tỷ sau thuế.

The net profit after tax of consolidated report of year 2020 achieved 18.11 billion, increased 5.53 billion, equivalent to 44% compared with the same period in 2019. The explanation for this is due to the high increase in sales revenue (both domestic and exports revenue) and tight cost control, so the business results in Quarter year 2020 achieved 22.9 billion profit before tax and 18.11 billion profit after tax.

Công ty chúng tôi xin được giải trình với Quý Cơ quan.

Our Company would like to explain to your Agency.



**TỔNG GIÁM ĐỐC
KEK CHIN ANN**